

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Đề xuất điều chỉnh mẫu biểu kê khai thuế trong lĩnh vực khai thác khoáng sản nhằm cải thiện công khai và đối chiếu số liệu tài chính

BIÊN SOẠN VÀ TỔNG HỢP:

- LÊ THU MAI
- NGUYỄN MINH PHƯƠNG
- NGUYỄN NGỌC QUANG



LIÊN MINH
KHOÁNG SẢN

Đề xuất điều chỉnh mẫu biểu kê khai thuế trong lĩnh vực khai thác khoáng sản nhằm cải thiện công khai và đối chiếu số liệu tài chính

Đề nghị trích dẫn: Lê Thu Mai và các cộng sự, 2018. *Đề xuất điều chỉnh mẫu biểu kê khai thuế trong lĩnh vực khai thác khoáng sản nhằm cải thiện công khai và đối chiếu số liệu tài chính*. Khuyến nghị chính sách của Trung tâm Con người và Thiên nhiên và Liên minh Khoáng sản.

Khuyến nghị này được thực hiện với sự hỗ trợ của Tổ chức Oxfam. Các vấn đề trình bày trong khuyến nghị là quan điểm của tác giả, không nhất thiết thể hiện quan điểm của nhà tài trợ.

© Bản quyền thuộc Trung tâm Con người và Thiên nhiên và Liên minh Khoáng sản. Nội dung trong khuyến nghị có thể được sử dụng lại mà không cần xin phép với điều kiện trích dẫn nguồn đầy đủ.

Thiết kế ấn phẩm: Nguyễn Hồng Nhung - Trung tâm Con người và Thiên nhiên

Ảnh: PanNature



Các vấn đề liên quan đến ấn phẩm, vui lòng liên hệ:

**Phòng Nghiên cứu Chính sách
Trung tâm Con người và Thiên nhiên**

Địa chỉ: số 24H2, Khu đô thị mới Yên Hòa,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (024) 3556-4001 | Fax: (024) 3665-8941

Email: policy@nature.org.vn

Website: www.nature.org.vn

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm qua Chính phủ Việt Nam đã rất chú trọng đến công tác thu ngân sách nhà nước trong khai thác khoáng sản. Chính sách thu về khoáng sản được thường xuyên cập nhật và sửa đổi nhằm phù hợp với thực tế phát sinh, phù hợp thông lệ quốc tế, nâng cao tính pháp lý và đảm bảo đạt được mục tiêu thu ngân sách nhà nước (NSNN) gắn với quản lý, khai thác tài nguyên tiết kiệm, có hiệu quả. Hệ thống chính sách thuế đối với hoạt động khai thác tài nguyên ở Việt Nam là khá đầy đủ so với thông lệ quốc tế, đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành, lãnh thổ và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của nhà nước.

Tuy nhiên, so với nguồn lực tài nguyên khoáng sản của Việt Nam, quy mô khai thác và mức thuế suất hiện hành, hiệu quả quản lý nguồn thu từ khoáng sản được đánh giá còn thấp. Thu ngân sách nhà nước từ khai thác khoáng sản thấp cả về con số tuyệt đối và tỷ trọng đóng góp. Số liệu từ Tổng cục

Thuế cho biết số thu từ thuế tài nguyên (trừ dầu khí) trong giai đoạn 2011-2017 chỉ đạt 1,1 - 1,9% tổng thu ngân sách nhà nước. Tại nhiều địa phương, số thu từ thuế tài nguyên thậm chí không đủ cho chi phí quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản.

Thuế tài nguyên được tính dựa trên sản lượng khai thác, giá bán và mức thuế suất, trong đó, mức thuế suất là cố định được Quốc hội ban hành, giá tính thuế và sản lượng khai thác là hai yếu tố quan trọng quyết định số thu thuế tài nguyên. Tuy nhiên, quy định hiện hành về kê khai sản lượng và giá tính thuế tài nguyên có những kẽ hở đã dẫn đến thu ngân sách chưa đạt hiệu quả tương xứng, cụ thể:

(i) Các khoản thu được tính dựa trên giá bán, sản lượng được khai báo bởi doanh nghiệp tạo kẽ hở để các công ty trốn, tránh thuế. Các công ty có xu hướng khai báo sản lượng thấp hơn so với thực tế; khai báo chất lượng, hàm lượng chất khai thác trong quặng thấp để hưởng mức thuế suất thấp hơn, hay lợi dụng các ưu đãi, khoản vay khấu trừ thuế, tạm miễn thuế và thanh khoản để trốn thuế.

(ii) Chuyển giá do biên độ giao động về giá tính thuế tài nguyên giữa các địa phương là đáng kể. Giá tính thuế giữa các địa phương là khác nhau trong bối cảnh chưa có cơ chế kiểm tra chéo về sản lượng khai thác dẫn đến việc một số doanh nghiệp khai thác khai báo sản lượng thấp tại tỉnh có giá tính thuế tài nguyên cao, vận chuyển khoáng sản và đăng ký kê khai tại tỉnh khác có giá tính thuế thấp hơn gây thất thoát nguồn thu thuế tài nguyên.

Bên cạnh đó, hiện nay Việt Nam chưa có một hệ thống quản lý riêng các khoản thu ngân sách từ khai thác tài nguyên nói chung và tài nguyên khoáng sản nói riêng, dẫn đến các hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ và kiểm toán tài chính trong khai thác khoáng sản gặp nhiều khó khăn. Có nhiều khoản thu được huy động đối với hoạt động khai thác khoáng sản bao gồm tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường và phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản. Khoản thu chung đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp gồm có

thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế xuất khẩu (nếu có xuất khẩu khoáng sản), thuế nhập khẩu (nếu có nhập khẩu hàng hóa, máy móc thiết bị chịu thuế). Trong khi đó, các mẫu biểu kê khai các khoản thu này chưa được đồng nhất, chưa có sự liên kết giữa các chỉ tiêu, chưa tách bạch được doanh thu của hoạt động khai thác khoáng sản trên tổng doanh thu, thuế GTGT và TNDN của hoạt động khai thác khoáng sản trên tổng thuế GTGT và TNDN của doanh nghiệp...gây khó khăn trong việc kiểm soát chéo và thiếu minh bạch thông tin trong quá trình doanh nghiệp khai thác khoáng sản kê khai, nộp thuế.

Tình trạng này có thể dẫn đến rủi ro thất thoát ngân sách, ảnh hưởng tới môi trường kinh doanh và giảm thu hút đầu tư do những doanh nghiệp chấp hành luật pháp thì nghĩa vụ thuế và các khoản thu quá nặng, trong khi các doanh nghiệp không tuân thủ nhận được quá nhiều lợi ích từ các hoạt động phi pháp. Không chỉ ở Việt Nam, ước tính các nước đang phát triển nói chung đang thiệt hại khoảng 1000 tỷ đô la Mỹ mỗi

năm do giao dịch bất hợp pháp mà nguyên nhân chủ yếu là sự thiếu minh bạch thông tin liên quan đến chu trình khai thác¹ (Report, 2017).

Trong bối cảnh thu ngân sách Nhà nước hiện nay gặp nhiều khó khăn, trong đó thất thu ngân sách từ lĩnh vực khai thác khoáng sản được đánh giá là rất lớn, việc điều chỉnh mẫu biểu kê khai thuế là thực sự cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả thu và giảm thiểu thất thoát cho ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản thông qua tăng cường tính công khai, minh bạch các khoản thu, tạo môi trường kinh doanh công bằng hơn cho các doanh nghiệp khai khoáng nhờ có sự đối chiếu và giám sát giữa sản xuất kinh doanh và thu, nộp thuế. Đồng thời, việc điều chỉnh mẫu biểu kê khai thuế theo hướng tách nguồn thu từ khoáng sản sẽ giúp quản lý cơ sở dữ liệu có mức độ phân tách cao đối với các chỉ tiêu cụ thể, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, đặc biệt tại những địa phương có tiềm năng khai thác nguồn thu từ khoáng sản lớn.

1 Theo Sáng kiến EITI, chu trình dự án khai thác cần công khai các thông tin liên quan đến (i) cấp phép; (ii) dữ liệu sản xuất; (iii) thu ngân sách; (iv) phân bổ nguồn thu; (v) đóng góp cho kinh tế và xã hội

Kinh nghiệm từ một số quốc gia áp dụng Sáng kiến Minh bạch trong ngành công nghiệp khai thác (EITI) cho thấy có tỷ lệ thuận giữa thu ngân sách và minh bạch thông tin trong khai thác khoáng sản nhờ cơ chế đối chiếu dữ liệu. Cụ thể, báo cáo EITI 2017 chỉ ra rằng, Nigeria sẽ truy thu được 2,4 tỷ đô la Mỹ và tăng thu 10 tỷ đô la Mỹ mỗi năm nhờ minh bạch các thông tin liên quan đến toàn bộ chu trình của dự án khai thác (Secretariat, 2017)

Mặc dù lộ trình cải cách thủ tục hành chính về thuế của Việt Nam đến năm 2020 yêu cầu các thủ tục về thuế phải đơn giản hóa, hướng đến giảm thời gian kê khai và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế kê khai, song xét thấy việc sửa đổi, bổ sung một số mẫu biểu kê khai thuế theo hướng tách nguồn thu ngân sách từ khoáng sản là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn lớn, nhóm nghiên cứu đề xuất bổ sung thêm một số chỉ tiêu đối với 04 tờ khai hiện nay về **(i) Thuế giá trị gia tăng; (ii) Thuế thu nhập doanh nghiệp; (iii) Thuế tài nguyên; (iv) Phí bảo vệ môi trường.**

BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU TRÊN CƠ SỞ CÁC MẪU BIỂU HIỆN HÀNH

1. Tờ khai thuế giá trị gia tăng và tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp

Qua khảo sát thực tế tại một số tỉnh, hiện nay các mẫu tờ khai thuế giá trị gia tăng và tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang áp dụng chung cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đa ngành không phân tách cho từng lĩnh vực cụ thể. Vì vậy, để có số liệu cơ sở về doanh thu, lợi nhuận, số thuế phải nộp của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản giúp cơ quan quản lý nhà nước giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhóm nghiên cứu đã bổ sung các chỉ tiêu này trong tờ khai thuế giá trị gia tăng và tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1. Tờ khai thuế giá trị gia tăng

Tờ khai thuế giá trị gia tăng đang được sử dụng để kê khai cho tất cả các doanh nghiệp. Trường hợp một doanh nghiệp kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó có hoạt động sản xuất, kinh doanh tài nguyên khoáng sản thì cơ quan thuế không xác định được doanh thu của hoạt động tài nguyên khoáng sản. Vì vậy, để xác định được doanh thu và thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh tài nguyên khoáng sản cần bổ sung các chỉ tiêu sau đối với tờ khai thuế giá trị gia tăng:

Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT: bổ sung phụ lục tờ khai 01/GTGT-TNKS áp dụng riêng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh tài nguyên khoáng sản.

Tờ khai thuế GTGT mẫu số 04/GTGT bổ sung các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu [28a] Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế - Hoạt động kinh doanh tài nguyên
- Chỉ tiêu [29a] Thuế giá trị gia tăng phải nộp - Hoạt động kinh doanh tài nguyên

Tờ khai thuế GTGT mẫu số 05/GTGT bổ sung các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu [22a] ghi doanh số của hoạt động kinh doanh tài nguyên chịu thuế suất 10%
- Chỉ tiêu [26a] ghi số thuế GTGT tạm tính phải nộp kỳ này hoạt động kinh doanh tài nguyên loại thuế suất 10%

Việc bổ sung thêm chỉ tiêu doanh thu (nội địa và xuất khẩu), thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh tài nguyên khoáng sản là cơ sở để cơ quan thuế đối chiếu số liệu với cơ quan hải quan nhằm đảm bảo việc kê khai của người nộp thuế đúng quy định pháp luật.

1.2. Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp

Tờ khai thuế TNDN mẫu số 03/TNDN: bổ sung phụ lục Tờ khai 03-1/TNDN-TNKS áp dụng riêng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh tài nguyên khoáng sản

Nhằm xác định được doanh thu, lợi nhuận và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh tài nguyên khoáng sản, việc bổ sung phụ lục Tờ khai 03-1/TNDN-TNKS có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tài nguyên khoáng sản nói riêng cũng như ngành công nghiệp khai khoáng nói chung.

2. Tờ khai thuế tài nguyên

Hiện nay, chính sách thuế tài nguyên đang thực hiện theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên, Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên và Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau. Các thông tư này ban hành sau Thông tư số 156/2013/TT-BTC, tuy nhiên mẫu biểu Tờ khai thuế tài nguyên vẫn áp dụng theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC. Điều này dẫn đến việc Tờ khai thuế tài nguyên chưa đáp ứng được các quy định hiện hành. Vì vậy, đối với Tờ khai thuế tài nguyên cần sửa đổi và bổ sung các mục sau:

(i) Bỏ mục II Tài nguyên thu mua gom trên các mẫu tờ khai thuế tài nguyên.

Theo quy định tại Thông tư 152/2015/TT-BTC thì người nộp thuế tài nguyên là tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác tài nguyên. Người thu mua gom không được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nên không phải là người kê khai, nộp thuế. Vì vậy, tờ khai thuế tài nguyên cần bỏ mục II – tài nguyên thu gom.

(ii) Tờ khai thuế tài nguyên mẫu 01/TAIN

Bổ sung “Mã tài nguyên bán ra” và “Mã tài nguyên khai thác” nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu giá tính thuế tài nguyên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 4; khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 44/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về mã nhóm, loại tài nguyên và Quyết định số 223/QĐ-TCT của Tổng cục thuế về quy chế xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu giá tính thuế tài nguyên.

Bổ sung thêm các chỉ tiêu **“Tên loại tài nguyên khai thác”**; **“Sản lượng tài nguyên khai thác”**; **“Định mức sử dụng tài nguyên khai thác trên một sản phẩm tài nguyên bán ra”** nhằm đối chiếu số liệu về sản lượng tài nguyên khai thác giữa cơ quan thuế và cơ quan tài nguyên môi trường; đối chiếu, so sánh các doanh nghiệp cùng sản xuất, kinh doanh một loại khoáng sản nhằm quản lý rủi ro về thuế và thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

- Đối với tài nguyên khai thác trực tiếp bán ra thì tài nguyên khai thác chính là tài nguyên bán ra nên định mức sử dụng tài nguyên bằng 1.
- Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra thì định mức sử dụng tài nguyên khác 1

Chi tiết bổ sung cụ thể như sau:

- Cột số (2): **“Mã tài nguyên bán ra”**
- Cột số (12): **“Mã tài nguyên khai thác”**
- Cột số (13): **“Tên loại tài nguyên khai thác”**
- Cột số (14): **“Sản lượng tài nguyên khai thác”**
- Cột số (15): **“Định mức sử dụng tài nguyên khai thác trên một sản phẩm tài nguyên bán ra”**

(iii) Tờ khai thuế tài nguyên mẫu 02/TAIN

Bổ sung bảng kê tờ khai thuế tài nguyên theo từng mỏ tương ứng với giấy phép khai thác: Căn cứ quy định tại khoản 3 điều 9 Thông tư 152/2015/TT-BTC thì khi quyết toán thuế, người nộp thuế phải lập bảng kê kèm theo Tờ khai quyết toán thuế năm trong đó kê khai chi tiết sản lượng khai thác trong năm theo từng mỏ tương ứng với Giấy phép được cấp. Tuy nhiên, tờ khai thuế tài nguyên hiện hành chưa có bảng kê theo từng mỏ. Vì vậy để phù hợp với quy định trên thì cần bổ sung thêm bảng kê tại từng điểm mỏ vào tờ khai thuế tài nguyên.

Tương tự với Tờ khai thuế tài nguyên mẫu 01/TAIN, cần bổ sung các chỉ tiêu sau vào Tờ khai thuế tài nguyên mẫu 02/TAIN:

- Cột số (2): **“Mã tài nguyên bán ra”**
- Cột số (14): **“Mã tài nguyên khai thác”**
- Cột số (15): **“Tên loại tài nguyên khai thác”**
- Cột số (16): **“Sản lượng tài nguyên khai thác”**
- Cột số (17): **“Định mức sử dụng tài nguyên khai thác trên một sản phẩm tài nguyên bán ra”**

3. Tờ khai phí bảo vệ môi trường 01/BVMT và Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường 02/BVMT

Bổ sung chỉ tiêu “Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác K” vào cột số (7):

Theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được tính theo công thức:

$$F = [(Q1 \times f1) + (Q2 \times f2)] \times K$$

Trong đó, K là hệ số tính phí theo phương pháp khai thác: Khai thác hầm lò và các hình thức khác hệ số K = 1; Khai thác lộ thiên hệ số K = 1,1. Tuy nhiên, Tờ khai phí bảo vệ môi

trường và Tờ khai quyết toán phí hiện hành không có chỉ số K, vì vậy cần bổ sung thêm hệ số K để phù hợp với quy định hiện hành.

Bổ sung chỉ tiêu “Mã tài nguyên khoáng sản” vào cột số (2):

Việc kê khai thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường hiện nay không những khác nhau về danh mục tài nguyên khoáng sản mà còn về đơn vị tính. Điều này gây khó khăn cho cơ quan thuế khi quản lý số liệu kê khai thuế của người nộp thuế. Vì vậy, đối với Tờ khai phí bảo vệ môi trường và Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường cần bổ sung thêm chỉ tiêu “Mã loại tài nguyên khai thác” để khắc phục hạn chế này.

Việc sửa đổi, bổ sung trên Tờ khai thuế tài nguyên và Tờ khai phí bảo vệ môi trường đã giúp đồng nhất về danh mục tài nguyên khoáng sản giữa Tờ khai thuế tài nguyên và Tờ khai phí bảo vệ môi trường. Đây là cơ sở để đối chiếu sản lượng tài nguyên khai thác giữa 2 loại tờ khai, giúp cơ quan thuế có cơ chế giám sát việc kê khai của doanh nghiệp khai khoáng.

TÍNH ƯU VIỆT CỦA MẪU BIỂU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO ĐỀ XUẤT

1. Ưu điểm so với mẫu biểu hiện hành

Trong bối cảnh thực tế về quản lý ngành khai khoáng của Việt Nam hiện nay, việc bổ sung các chỉ tiêu cơ bản vào 04 biểu mẫu kê khai thông tin các nguồn thu từ hoạt động khai thác khoáng sản, dành cho cơ quan thuế và doanh nghiệp đảm bảo về tính hợp lý, tính khả thi của các biểu mẫu. Các chỉ tiêu bổ sung phù hợp với bối cảnh ngành khai khoáng hiện nay, bám sát thực tế nhu cầu sử dụng của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý, giám sát và theo dõi doanh thu và sản lượng khai thác của doanh nghiệp; tạo cơ sở dữ liệu và đối chiếu công bằng cho các doanh nghiệp khai thác khoáng sản thực hành tốt trong việc kê khai các khoản nộp ngân sách. Các mẫu biểu sửa đổi, bổ sung có nhiều ưu điểm nổi bật hơn đối với mẫu biểu hiện hành. Cụ thể như sau:

- Cung cấp số liệu về doanh thu, lợi nhuận, số thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản. Số liệu này là cơ sở để đánh giá hiệu quả khai thác tài nguyên của các doanh nghiệp này.
- Tạo cơ sở dữ liệu đồng bộ về giá tính thuế tài nguyên, từ đó, giúp cơ quan quản lý nhà nước xây dựng khung giá tính thuế tài nguyên phù hợp với thị trường.
- Tạo cơ sở dữ liệu đồng bộ về định mức sử dụng tài nguyên trên một sản phẩm bán ra. Số liệu này được sử dụng để so sánh, đối chiếu giữa các doanh nghiệp kinh doanh cùng một loại khoáng sản và giúp cơ quan thuế quản lý rủi ro cũng như thanh tra, kiểm tra thuế.

- Cung cấp số liệu về sản lượng tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khai thác theo từng mỏ. Số liệu này giúp cơ quan thuế và cơ quan tài nguyên môi trường thiết lập một hệ thống đối chiếu, so sánh, giám sát việc kê khai thuế tài nguyên của doanh nghiệp có đúng thực tế phát sinh hay không.
- Góp phần thay đổi hành vi của người nộp thuế, cụ thể là các công ty khai thác khoáng sản trong việc kê khai thuế nói chung và kê khai thuế tài nguyên nói riêng.
- Giúp cơ quan quản lý nhà nước hoạch định và xây dựng chính sách đối với lĩnh vực khai thác khoáng sản phù hợp với thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả thu từ hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Tính khả thi và phù hợp của các mẫu biểu sửa đổi, bổ sung

2.1. Tính phù hợp và khả thi của mẫu biểu kê khai

Các chỉ tiêu được đề xuất bổ sung dựa trên cơ sở các mẫu biểu kê khai thuế hiện hành của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế. Việc bổ sung thêm một số chỉ tiêu nhằm đảm bảo cung cấp đủ thông tin về nghĩa vụ thuế đối với hoạt động khai khoáng, phù hợp với bối cảnh ngành công nghiệp khai khoáng hiện nay, về cơ bản phản ánh đúng diễn biến của ngành công nghiệp khai khoáng Việt Nam. Các chỉ tiêu bổ sung hoàn toàn có thể trích xuất được (thủ công hoặc tự động) từ hệ thống quản lý bằng phần mềm quản trị và phần mềm kế toán mà các doanh nghiệp đang áp dụng.

2.2. Tính thuận tiện khi áp dụng tại các doanh nghiệp khai thác tài nguyên

Nhìn chung, các chỉ tiêu yêu cầu cung cấp thông tin hoàn toàn nằm trong khả năng cung cấp của doanh nghiệp khai khoáng. Đồng thời, đây cũng là các dữ liệu mà các nhà quản trị doanh nghiệp khai khoáng đều phải nắm bắt phục vụ công tác quản lý. Trong bối cảnh hầu hết các doanh nghiệp đều đã áp dụng các phần mềm quản trị và kế toán doanh nghiệp, các thông tin này có thể được trích xuất tự động.

Các đề xuất bổ sung biểu mẫu đã được nhóm nghiên cứu được gửi tham vấn một số doanh nghiệp khai khoáng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Phản hồi của doanh nghiệp đánh giá cao tính khả thi, tính công bằng khi áp dụng và cho rằng không phát sinh thêm nhiều thời gian kê khai đối với việc bổ sung chỉ tiêu cho 04 loại tờ khai trên.

Tính khả thi của 4 loại tờ khai được khuyến nghị bổ sung càng cao đối với doanh nghiệp chỉ sản xuất kinh doanh tài nguyên khoáng sản hoặc doanh nghiệp kinh doanh đa ngành có bộ máy kế toán hạch toán riêng đối với hoạt động kinh doanh tài nguyên khoáng sản.

2.3. Tính hữu ích đối với cơ quan quản lý tài nguyên

Kết quả tham vấn một số cơ quan quản lý thuế địa phương về 04 biểu mẫu bổ sung các chỉ tiêu cho thấy việc bổ sung các chỉ tiêu trên sẽ giúp các cơ quan quản lý nhà nước thuận lợi hơn trong việc quản lý, giám sát và theo dõi doanh thu và sản lượng khai thác của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản.

KẾT LUẬN

Những phân tích trên đã cho thấy ý nghĩa nhiều mặt và tính phù hợp, ưu việt của việc bổ sung các chỉ tiêu đối với 04 mẫu biểu kê khai thuế. Nhóm nghiên cứu đề xuất Tổng cục thuế - Bộ Tài chính nghiên cứu và cân nhắc việc điều chỉnh này trong tiến trình rà soát, sửa đổi mẫu biểu kê khai thuế trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2008). *Luật thuế Giá trị gia tăng*.
2. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2008). *Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp*.
3. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2009). *Luật thuế Tài nguyên*.
4. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2010). Luật số 60/2010/QH12 *Luật Khoáng sản*.
5. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2012). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng*.
6. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2012). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp*.
7. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2014). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế*.
8. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2016). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế*.
9. Report, E. (2017). *EITI progress report*.
10. Secretariat, E. international. (2017). *Disclosing beneficial ownership*.



Trung tâm Con người và Thiên nhiên

(PanNature) là tổ chức phi lợi nhuận, hoạt động nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện môi trường.

Địa chỉ: Số 24H2, Khu đô thị mới Yên Hòa,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (024)3556-4001 | Fax: (024) 3556-8941
Email: contact@nature.org.vn
Website: www.nature.org.vn

Khuyến nghị được xuất bản với sự hỗ trợ của:

